| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LỤC NGẠN**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **15**/2023/QĐST-DS | *Lục Ngạn, ngày 31 tháng 5 năm 2023* |

# QUYẾT Đ
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành lập ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 143/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT Đ:

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1940

Địa chỉ: Thôn Tr, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1986.

2. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1948.

3. Chị Trần Thị Kh, sinh năm 1989.

Đều trú tại: Thôn Tr, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1. Về trách nhiệm trả nợ: Bà Trần Thị S có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Đức Đ và bà Ngô Thị T tổng số tiền là 2.630.000.000 đồng (Hai tỷ S trăm ba mươi triệu đồng). Thời hạn thanh toán và số tiền trả chia thành mười một lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 30/7/2023 (âm lịch) bà Trần Thị S trả cho ông Nguyễn Đức Đ và bà Ngô Thị T số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Lần 2: Ngày 30/9/2023 (âm lịch) bà Trần Thị S trả cho ông Nguyễn Đức Đ và bà Ngô Thị T số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Lần 3: Ngày 30/11/2023 (âm lịch) bà Trần Thị S trả cho ông Nguyễn Đức Đ và bà Ngô Thị T số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Lần 4: Ngày 28/2/2024 (âm lịch) bà Trần Thị S trả cho ông Nguyễn Đức Đ và bà Ngô Thị T số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Lần 5: Ngày 30/5/2024 (âm lịch) bà Trần Thị S trả cho ông Nguyễn Đức Đ và bà Ngô Thị T số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Lần 6: Ngày 30/8/2024 (âm lịch) bà Trần Thị S trả cho ông Nguyễn Đức Đ và bà Ngô Thị T số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Lần 7: Ngày 30/11/2024 (âm lịch) bà Trần Thị S trả cho ông Nguyễn Đức Đ và bà Ngô Thị T số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Lần 8: Ngày 30/01/2025 (âm lịch) bà Trần Thị S trả cho ông Nguyễn Đức Đ và bà Ngô Thị T số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Lần 9: Ngày 30/5/2025 (âm lịch) bà Trần Thị S trả cho ông Nguyễn Đức Đ và bà Ngô Thị T số tiền là 300.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Lần 10: Ngày 30/7/2025 (âm lịch) bà Trần Thị S trả cho ông Nguyễn Đức Đ và bà Ngô Thị T số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Lần 11: Ngày 30/9/2025 (âm lịch) bà Trần Thị S trả cho ông Nguyễn Đức Đ và bà Ngô Thị T số tiền là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

Nếu bà Trần Thị S vi phạm một trong các lần về thời hạn trả nợ nêu trên thì ông Nguyễn Đức Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ khoản nợ theo quy Đ của pháp luật.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị S, ông Nguyễn Đức Đ và bà Ngô Thị T.

Đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy Đ tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự 2015 tương

ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

**3.** Quyết Đ này được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Quyết Đ này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- Lưu HSVA.

**THẨM PHÁN**

*Đã ký*

**Nguyễn Đức Nhường**